

Q326E055362  
(MTTN26007713.20)

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

03/06/2026

Trang/ Page: 1/3

- Tên mẫu  
Name of sample : NƯỚC SẠCH  
Chi nhánh cấp nước Buôn Hồ  
Vị trí lấy mẫu: Hộ gia đình, 244 Trần Hưng Đạo, Phường Buôn Hồ,  
Tỉnh Đắk Lắk.
- Mô tả mẫu  
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Sample name and  
sample information were supplied by customer.  
- Dạng mẫu: lỏng / Form: liquid  
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / Container: plastic bottle  
- Số đơn vị/mẫu: 1 L x 04 / Unit/sample: 1 L x 04  
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số  
MTTN26007713 ngày 19/05/2026 / Sampling and on-site testing  
according to record No MTTN26007713 dated 19/05/2026
- Số lượng mẫu  
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu  
Date of receipt : 19/05/2026
- Thời gian thử nghiệm  
Testing duration : 19/05/2026 - 03/06/2026
- Nơi gửi mẫu  
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK  
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm  
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG  
HEAD OF ENVIROMENTAL LAB

Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC  
VICE DIRECTOR



Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (\*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.

Q326E055362  
(MTTN26007713.20)

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

03/06/2026

Trang/ Page: 2/3

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.1	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1
7.2	Hàm lượng amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) Ammonium (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1
7.3	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl <sub>2</sub> ) <sup>(HT)</sup> Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,4	-
7.5	Mùi <sup>(HT)</sup> Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ No strange odor	-
7.6	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5
7.7	Độ pH <sup>(HT)</sup> pH value	-	TCVN 6492:2011	7,3	-
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5
7.9	Coliforms	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 <sup>(c)</sup>	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) để biết thêm thông tin.  
Please contact QUATEST 3 at the email addresses [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.

7. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.

8. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.

9. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.

10. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.

Q326E055362  
 (MTTN26007713.20)

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

03/06/2026

Trang/ Page: 3/3



STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.10	Escherichia coli	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 <sup>(c)</sup>	-

**Ghi chú / Note:**

- HT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 19/05/2026. / Characteristics analyzed on site on 19/05/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization
- KPH: Không phát hiện / Not detected
- (c): Kết quả được biểu thị “< 1 CFU” được xem là “không phát hiện vi sinh vật mục tiêu” trên thể tích mẫu kiểm tra. / The result “< 1 CFU” is considered “target organism not - detectable” in the volume of sample analysed
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) để biết thêm thông tin.  
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.

Q326E055362  
(MTTN26007713.19)

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

03/06/2026

Trang/ Page: 1/3

- Tên mẫu  
Name of sample : NƯỚC SẠCH  
Chi nhánh cấp nước Buôn Hồ  
Vị trí lấy mẫu: Hộ gia đình, 20 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Buôn Hồ, Tỉnh Đắk Lắk.
- Mô tả mẫu  
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Sample name and sample information were supplied by customer.  
- Dạng mẫu: lỏng / Form: liquid  
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / Container: plastic bottle  
- Số đơn vị/mẫu: 1 L x 04 / Unit/sample: 1 L x 04  
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26007713 ngày 19/05/2026 / Sampling and on-site testing according to record No MTTN26007713 dated 19/05/2026
- Số lượng mẫu  
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu  
Date of receipt : 19/05/2026
- Thời gian thử nghiệm  
Testing duration : 19/05/2026 - 03/06/2026
- Nơi gửi mẫu  
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK  
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm  
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG  
HEAD OF ENVIROMENTAL LAB

Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC  
VICE DIRECTOR



Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.  
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.  
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.  
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.  
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) để biết thêm thông tin.  
Please contact QUATEST 3 at the email addresses [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) for further information about test report.  
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chi tiêu có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.

Q326E055362  
 (MTTN26007713.19)

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

03/06/2026

Trang/ Page: 2/3



STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.1	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1
7.2	Hàm lượng amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) Ammonium (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1
7.3	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl <sub>2</sub> ) <sup>(HT)</sup> Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,4	-
7.5	Mùi <sup>(HT)</sup> Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ No strange odor	-
7.6	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5
7.7	Độ pH <sup>(HT)</sup> pH value	-	TCVN 6492:2011	7,4	-
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5
7.9	Coliforms	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 <sup>(e)</sup>	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.  
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.  
 3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.  
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.  
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) để biết thêm thông tin.  
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) for further information about test report.  
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.

Q326E055362  
 (MTTN26007713.19)

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

03/06/2026

Trang/ Page: 3/3



STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.10	Escherichia coli	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 <sup>(c)</sup>	-

**Ghi chú / Note:**

- HT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 19/05/2026. / Characteristics analyzed on site on 19/05/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization
- KPH: Không phát hiện / Not detected
- (c): Kết quả được biểu thị “< 1 CFU” được xem là “không phát hiện vi sinh vật mục tiêu” trên thể tích mẫu kiểm tra. / The result “< 1 CFU” is considered “target organism not - detectable” in the volume of sample analysed
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.  
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.  
 3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.  
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.  
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) để biết thêm thông tin.  
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) for further information about test report .  
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.

Q326E055362  
(MTTN26007713.18)


## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

03/06/2026

Trang/ Page: 1/3

- Tên mẫu  
Name of sample : NƯỚC SẠCH  
Chi nhánh cấp nước Buôn Hồ  
Vị trí lấy mẫu: Hộ gia đình, 73 Nguyễn Chí Thanh, Phường Buôn Hồ,  
Tỉnh Đắk Lắk.
- Mô tả mẫu  
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Sample name and  
sample information were supplied by customer.  
- Dạng mẫu: lỏng / Form: liquid  
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / Container: plastic bottle  
- Số đơn vị/mẫu: 1 L x 04 / Unit/sample: 1 L x 04  
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số  
MTTN26007713 ngày 19/05/2026 / Sampling and on-site testing  
according to record No MTTN26007713 dated 19/05/2026
- Số lượng mẫu  
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu  
Date of receipt : 19/05/2026
- Thời gian thử nghiệm  
Testing duration : 19/05/2026 - 03/06/2026
- Nơi gửi mẫu  
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK  
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm  
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG  
HEAD OF ENVIROMENTAL LAB



Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC  
VICE DIRECTOR



Phan Thành Trung

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) để biết thêm thông tin.  
Please contact QUATEST 3 at the email addresses [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.



Q326E055362  
(MTTN26007713.18)

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

## TEST REPORT

03/06/2026

Trang/ Page: 2/3

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.1	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1
7.2	Hàm lượng amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) Ammonium (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1
7.3	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl <sub>2</sub> ) <sup>(HT)</sup> Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,6	-
7.5	Mùi <sup>(HT)</sup> Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ No strange odor	-
7.6	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5
7.7	Độ pH <sup>(HT)</sup> pH value	-	TCVN 6492:2011	7,3	-
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5
7.9	Coliforms	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 <sup>(c)</sup>	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.  
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.  
 3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bù chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.  
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.  
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) để biết thêm thông tin.  
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) for further information about test report .  
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.

Q326E055362  
(MTTN26007713.18)

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

03/06/2026

Trang/ Page: 3/3

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.10	Escherichia coli	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 <sup>(c)</sup>	-

**Ghi chú / Note:**

- HT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 19/05/2026. / Characteristics analyzed on site on 19/05/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization
- KPH: Không phát hiện / Not detected
- <sup>(c)</sup>: Kết quả được biểu thị “< 1 CFU” được xem là “không phát hiện vi sinh vật mục tiêu” trên thể tích mẫu kiểm tra. / The result “< 1 CFU” is considered “target organism not - detectable” in the volume of sample analysed
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (\*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.

Q326E055362  
(MTTN26007713.17)

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

03/06/2026  
Trang/ Page: 1/3

- Tên mẫu  
Name of sample : NƯỚC SẠCH  
Chi nhánh cấp nước Buôn Hồ  
Vị trí lấy mẫu: Hộ gia đình, 02 Nguyễn Tri Phương, Phường Buôn Hồ, Tỉnh Đắk Lắk.
- Mô tả mẫu  
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Sample name and sample information were supplied by customer.  
- Dạng mẫu: lỏng / Form: liquid  
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / Container: plastic bottle  
- Số đơn vị/mẫu: 1 L x 04 / Unit/sample: 1 L x 04  
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26007713 ngày 19/05/2026 / Sampling and on-site testing according to record No MTTN26007713 dated 19/05/2026
- Số lượng mẫu  
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu  
Date of receipt : 19/05/2026
- Thời gian thử nghiệm  
Testing duration : 19/05/2026 - 03/06/2026
- Nơi gửi mẫu  
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK  
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm  
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG  
HEAD OF ENVIROMENTAL LAB

Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC  
VICE DIRECTOR

Phan Thành Trung



Q326E055362  
(MTTN26007713.17)

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

03/06/2026

Trang/ Page: 2/3

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.1	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1
7.2	Hàm lượng amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) Ammonium (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1
7.3	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl <sub>2</sub> ) (HT) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,4	-
7.5	Mùi (HT) Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ No strange odor	-
7.6	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5
7.7	Độ pH (HT) pH value	-	TCVN 6492:2011	7,5	-
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5
7.9	Coliforms	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 <sup>(e)</sup>	-

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bỏ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) để biết thêm thông tin.  
Please contact QUATEST 3 at the email addresses [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.

Q326E055362  
 (MTTN26007713.17)

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

03/06/2026

Trang/ Page: 3/3



STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.10	Escherichia coli	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 <sup>(c)</sup>	-

**Ghi chú / Note:**

- HT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 19/05/2026. / Characteristics analyzed on site on 19/05/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization
- KPH: Không phát hiện / Not detected
- <sup>(c)</sup>: Kết quả được biểu thị “< 1 CFU” được xem là “không phát hiện vi sinh vật mục tiêu” trên thể tích mẫu kiểm tra. / The result “< 1 CFU” is considered “target organism not - detectable” in the volume of sample analysed
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.  
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.  
 3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.  
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.  
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) để biết thêm thông tin.  
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) for further information about test report.  
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.

Q326E055362  
(MTTN26007713.16)

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

03/06/2026  
Trang/ Page: 1/3

- Tên mẫu  
Name of sample : NƯỚC SẠCH  
Chi nhánh cấp nước Buôn Hồ  
Vị trí lấy mẫu: Hộ gia đình, Tân Lập 3, Xã Pong Drang, Tỉnh Đắk Lắk.
- Mô tả mẫu  
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Sample name and sample information were supplied by customer.  
- Dạng mẫu: lỏng / Form: liquid  
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / Container: plastic bottle  
- Số đơn vị/mẫu: 1 L x 04 / Unit/sample: 1 L x 04  
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26007713 ngày 19/05/2026 / Sampling and on-site testing according to record No MTTN26007713 dated 19/05/2026
- Số lượng mẫu  
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu  
Date of receipt : 19/05/2026
- Thời gian thử nghiệm  
Testing duration : 19/05/2026 - 03/06/2026
- Nơi gửi mẫu  
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK  
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm  
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG  
HEAD OF ENVIROMENTAL LAB

Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC  
VICE DIRECTOR



Phan Thanh Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
Test results are valid for the name(s) submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.  
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.  
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.  
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.  
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) để biết thêm thông tin.  
Please contact QUATEST 3 at the email addresses [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) for further information about test report.  
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.

Q326E055362  
(MTTN26007713.16)

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

03/06/2026

Trang/ Page: 2/3

STT No.	Phương pháp lấy mẫu <i>The name of sampling method</i>	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa <i>Sampling for chemical analysis</i>	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh <i>Sampling for microbiological analysis</i>	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Đơn vị tính <i>Unit</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test Result</i>	Giới hạn phát hiện <i>Limit of Detection</i>
7.1	Chỉ số permanganate <i>Permanganate index</i>	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1
7.2	Hàm lượng amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) <i>Ammonium (NH<sub>3</sub> và NH<sub>4</sub><sup>+</sup> as N) content</i>	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1
7.3	Hàm lượng asen (As) <i>Arsenic content</i>	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl <sub>2</sub> ) <sup>(HT)</sup> <i>Free chlorine content</i>	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,4	-
7.5	Mùi <sup>(HT)</sup> <i>Odor</i>	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ <i>No strange odor</i>	-
7.6	Độ màu <i>Color</i>	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5
7.7	Độ pH <sup>(HT)</sup> <i>pH value</i>	-	TCVN 6492:2011	7,4	-
7.8	Độ đục <i>Turbidity</i>	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5
7.9	Coliforms	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	<1 <sup>(c)</sup>	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
*Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.*

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
*The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.*

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
*This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.*

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) để biết thêm thông tin.  
*Please contact QUATEST 3 at the email addresses [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) for further information about test report.*

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
*The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.*

7. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
*The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.*

8. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
*The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.*

Q326E055362  
 (MTTN26007713.16)

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

03/06/2026

Trang/ Page: 3/3



STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.10	Escherichia coli	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 <sup>(c)</sup>	-

**Ghi chú / Note:**

- HT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 19/05/2026. / Characteristics analyzed on site on 19/05/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization
- KPH: Không phát hiện / Not detected
- (c): Kết quả được biểu thị “< 1 CFU” được xem là “không phát hiện vi sinh vật mục tiêu” trên thể tích mẫu kiểm tra. / The result “< 1 CFU” is considered “target organism not - detectable” in the volume of sample analysed
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.  
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.  
 3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.  
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.  
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) để biết thêm thông tin.  
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) for further information about test report.  
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.

Q326E055362  
(MTTN26007713.15)

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

03/06/2026

Trang/ Page: 1/3

- Tên mẫu  
Name of sample : NƯỚC SẠCH  
Chi nhánh cấp nước Buôn Hồ  
Vị trí lấy mẫu: Trạm nước ngầm Pong Drang, 156 Nguyễn Việt  
Xuân, Phường Buôn Hồ, Tỉnh Đắk Lắk
- Mô tả mẫu  
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Sample name and  
sample information were supplied by customer.  
- Dạng mẫu: lỏng / Form: liquid  
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / Container: plastic bottle  
- Số đơn vị/mẫu: 1 L x 04 / Unit/sample: 1 L x 04  
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số  
MTTN26007713 ngày 19/05/2026 / Sampling and on-site testing  
according to record No MTTN26007713 dated 19/05/2026
- Số lượng mẫu  
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu  
Date of receipt : 19/05/2026
- Thời gian thử nghiệm  
Testing duration : 19/05/2026 - 03/06/2026
- Nơi gửi mẫu  
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK  
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm  
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG  
HEAD OF ENVIROMENTAL LAB



Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC  
VICE DIRECTOR



Phan Thành Trung

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) để biết thêm thông tin.  
Please contact QUATEST 3 at the email addresses [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.

Q326E055362  
 (MTTN26007713.15)

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

03/06/2026

Trang/ Page: 2/3

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.1	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1
7.2	Hàm lượng amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) Ammonium (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1
7.3	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl <sub>2</sub> ) <sup>(HT)</sup> Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,7	-
7.5	Mùi <sup>(HT)</sup> Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ No strange odor	-
7.6	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5
7.7	Độ pH <sup>(HT)</sup> pH value	-	TCVN 6492:2011	7,5	-
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5
7.9	Coliforms	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 <sup>(c)</sup>	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.  
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.  
 3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.  
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.  
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) để biết thêm thông tin.  
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) for further information about test report.  
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.

Q326E055362  
 (MTTN26007713.15)

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

03/06/2026

Trang/ Page: 3/3



STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.10	Escherichia coli	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 <sup>(c)</sup>	-

**Ghi chú / Note:**

- HT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 19/05/2026. / Characteristics analyzed on site on 19/05/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization
- KPH: Không phát hiện / Not detected
- (c): Kết quả được biểu thị “< 1 CFU” được xem là “không phát hiện vi sinh vật mục tiêu” trên thể tích mẫu kiểm tra. / The result “< 1 CFU” is considered “target organism not - detectable” in the volume of sample analysed
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (\*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.

Q326E055362  
(MTTN26007713.14)

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

03/06/2026  
Trang/ Page: 1/3

- Tên mẫu  
Name of sample : NƯỚC SẠCH  
Chi nhánh cấp nước Buôn Hồ  
Vị trí lấy mẫu: Hộ gia đình, 1128 Hùng Vương, Phường Buôn Hồ,  
Tỉnh Đắk Lắk.
- Mô tả mẫu  
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Sample name and  
sample information were supplied by customer.  
- Dạng mẫu: lỏng / Form: liquid  
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / Container: plastic bottle  
- Số đơn vị/mẫu: 1 L x 04 / Unit/sample: 1 L x 04  
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số  
MTTN26007713 ngày 19/05/2026 / Sampling and on-site testing  
according to record No MTTN26007713 dated 19/05/2026
- Số lượng mẫu  
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu  
Date of receipt : 19/05/2026
- Thời gian thử nghiệm  
Testing duration : 19/05/2026 - 03/06/2026
- Nơi gửi mẫu  
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK  
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm  
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG  
HEAD OF ENVIROMENTAL LAB

Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC  
VICE DIRECTOR



Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) for further information about test report .

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (\*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.

Q326E055362  
(MTTN26007713.14)

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

03/06/2026

Trang/ Page: 2/3

STT No.	Phương pháp lấy mẫu <i>The name of sampling method</i>	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa <i>Sampling for chemical analysis</i>	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh <i>Sampling for microbiological analysis</i>	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Đơn vị tính <i>Unit</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test Result</i>	Giới hạn phát hiện <i>Limit of Detection</i>
7.1	Chỉ số permanganate <i>Permanganate index</i>	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1
7.2	Hàm lượng amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) <i>Ammonium (NH<sub>3</sub> và NH<sub>4</sub><sup>+</sup> as N) content</i>	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1
7.3	Hàm lượng asen (As) <i>Arsenic content</i>	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl <sub>2</sub> ) <sup>(HT)</sup> <i>Free chlorine content</i>	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,7	-
7.5	Mùi <sup>(HT)</sup> <i>Odor</i>	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ <i>No strange odor</i>	-
7.6	Độ màu <i>Color</i>	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5
7.7	Độ pH <sup>(HT)</sup> <i>pH value</i>	-	TCVN 6492:2011	7,4	-
7.8	Độ đục <i>Turbidity</i>	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5
7.9	Coliforms	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 <sup>(c)</sup>	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

*Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.*

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

*The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.*

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

*This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.*

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) để biết thêm thông tin.

*Please contact QUATEST 3 at the email addresses [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) for further information about test report.*

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (\*) là chưa được công nhận.

*The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.*

Q326E055362  
 (MTTN26007713.14)

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

03/06/2026

Trang/ Page: 3/3



STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.10	Escherichia coli	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 <sup>(c)</sup>	-

**Ghi chú / Note:**

- HT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 19/05/2026. / Characteristics analyzed on site on 19/05/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization
- KPH: Không phát hiện / Not detected
- (c): Kết quả được biểu thị “< 1 CFU” được xem là “không phát hiện vi sinh vật mục tiêu” trên thể tích mẫu kiểm tra. / The result “< 1 CFU” is considered “target organism not - detectable” in the volume of sample analysed
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.  
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.  
 3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.  
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.  
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) để biết thêm thông tin.  
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) for further information about test report.  
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.

Q326E055362  
(MTTN26007713.13)

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

03/06/2026

Trang/ Page: 1/3

- Tên mẫu  
Name of sample : NƯỚC SẠCH  
Chi nhánh cấp nước Buôn Hồ  
Vị trí lấy mẫu: Hộ gia đình, 1176 Hùng Vương, Phường Buôn Hồ,  
Tỉnh Đắk Lắk.
- Mô tả mẫu  
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Sample name and  
sample information were supplied by customer.  
- Dạng mẫu: lỏng / Form: liquid  
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / Container: plastic bottle  
- Số đơn vị/mẫu: 1 L x 04 / Unit/sample: 1 L x 04  
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số  
MTTN26007713 ngày 19/05/2026 / Sampling and on-site testing  
according to record NoMTTN26007713 dated 19/05/2026
- Số lượng mẫu  
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu  
Date of receipt : 19/05/2026
- Thời gian thử nghiệm  
Testing duration : 19/05/2026 - 03/06/2026
- Nơi gửi mẫu  
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK  
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm  
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG  
HEAD OF ENVIROMENTAL LAB

Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC  
VICE DIRECTOR



Phan Thành Trung

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bù chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) để biết thêm thông tin.  
Please contact QUATEST 3 at the email addresses [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.

Q326E055362  
(MTTN26007713.13)

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

03/06/2026

Trang/ Page: 2/3

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.1	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1
7.2	Hàm lượng amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) Ammonium (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1
7.3	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl <sub>2</sub> ) <sup>(HT)</sup> Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,7	-
7.5	Mùi <sup>(HT)</sup> Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ No strange odor	-
7.6	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5
7.7	Độ pH <sup>(HT)</sup> pH value	-	TCVN 6492:2011	7,5	-
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5
7.9	Coliforms	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 <sup>(c)</sup>	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.  
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.  
 3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phù k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.  
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.  
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) để biết thêm thông tin.  
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) for further information about test report.  
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.

Q326E055362  
 (MTTN26007713.13)

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

03/06/2026

Trang/ Page: 3/3



STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.10	Escherichia coli	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 <sup>(c)</sup>	-

**Ghi chú / Note:**

- HT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 19/05/2026. / Characteristics analyzed on site on 19/05/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization
- KPH: Không phát hiện / Not detected
- <sup>(c)</sup>: Kết quả được biểu thị “< 1 CFU” được xem là “không phát hiện vi sinh vật mục tiêu” trên thể tích mẫu kiểm tra. / The result “< 1 CFU” is considered “target organism not - detectable” in the volume of sample analysed
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) để biết thêm thông tin.  
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.

Q326E055362  
(MTTN26007713.12)

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

03/06/2026

Trang/ Page: 1/3

- Tên mẫu  
Name of sample : **NƯỚC SẠCH**  
**Chi nhánh cấp nước Buôn Hồ**  
**Vị trí lấy mẫu: Trạm nước ngầm Thống Nhất, Thôn Tân Hà 2,**  
**Phường Buôn Hồ, Tỉnh Đắk Lắk**
- Mô tả mẫu  
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / *Sample name and sample information were supplied by customer.*  
- Dạng mẫu: lỏng / *Form: liquid*  
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / *Container: plastic bottle*  
- Số đơn vị/mẫu: 1 L x 04 / *Unit/sample: 1 L x 04*  
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26007713 ngày 19/05/2026 / *Sampling and on-site testing according to record No MTTN26007713 dated 19/05/2026*
- Số lượng mẫu  
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu  
Date of receipt : 19/05/2026
- Thời gian thử nghiệm  
Testing duration : 19/05/2026 - 03/06/2026
- Nơi gửi mẫu  
Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**  
**Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam**
- Kết quả thử nghiệm  
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / *Refer to next page(s)*

**TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG**  
**HEAD OF ENVIROMENTAL LAB**

Nguyễn Hoàng Linh

**KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
**VICE DIRECTOR**

Phan Thành Trung

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
*Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.*
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
*The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.*
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
*This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.*
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) để biết thêm thông tin.  
*Please contact QUATEST 3 at the email addresses [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) for further information about test report .*
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
*The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.*



Q326E055362  
(MTTN26007713.12)

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

03/06/2026

Trang/ Page: 2/3

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.1	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1
7.2	Hàm lượng amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) Ammonium (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1
7.3	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl <sub>2</sub> ) <sup>(HT)</sup> Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,7	-
7.5	Mùi <sup>(HT)</sup> Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ No strange odor	-
7.6	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5
7.7	Độ pH <sup>(HT)</sup> pH value	-	TCVN 6492:2011	7,5	-
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5
7.9	Coliforms	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 <sup>(c)</sup>	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.  
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.  
 3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.  
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.  
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) để biết thêm thông tin.  
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) for further information about test report.  
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.

Q326E055362  
(MTTN26007713.12)

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

03/06/2026

Trang/ Page: 3/3

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.10	Escherichia coli	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 <sup>(c)</sup>	-

**Ghi chú / Note:**

- HT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 19/05/2026. / Characteristics analyzed on site on 19/05/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization
- KPH: Không phát hiện / Not detected
- <sup>(c)</sup>: Kết quả được biểu thị “< 1 CFU” được xem là “không phát hiện vi sinh vật mục tiêu” trên thể tích mẫu kiểm tra. / The result “< 1 CFU” is considered “target organism not - detectable” in the volume of sample analysed
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) for further information about test report .

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (\*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.

Q326E055362  
(MTTN26007713.11)

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

03/06/2026  
Trang/ Page: 1/3

- Tên mẫu  
Name of sample : **NƯỚC SẠCH**  
**Chi nhánh cấp nước Buôn Hồ**  
**Vị trí lấy mẫu: Trạm nước mặt Hà Lan, Đèo Hà Lan, Phường Cư Bao, Tỉnh Đắk Lắk**
- Mô tả mẫu  
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / *Sample name and sample information were supplied by customer.*  
- Dạng mẫu: lỏng / *Form: liquid*  
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / *Container: plastic bottle*  
- Số đơn vị/mẫu: 1 L x 04 / *Unit/sample: 1 L x 04*  
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26007713 ngày 19/05/2026 / *Sampling and on-site testing according to record No MTTN26007713 dated 19/05/2026*
- Số lượng mẫu  
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu  
Date of receipt : 19/05/2026
- Thời gian thử nghiệm  
Testing duration : 19/05/2026 - 03/06/2026
- Nơi gửi mẫu  
Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**  
**Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam**
- Kết quả thử nghiệm  
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / *Refer to next page(s)*

**TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG**  
**HEAD OF ENVIROMENTAL LAB**

Nguyễn Hoàng Linh

**KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
**VICE DIRECTOR**



Phan Thành Trung

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
*Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.*
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
*The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.*
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
*This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.*
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) để biết thêm thông tin.  
*Please contact QUATEST 3 at the email addresses [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) for further information about test report.*
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
*The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.*

Q326E055362  
 (MTTN26007713.11)

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

03/06/2026

Trang/ Page: 2/3

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.1	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1
7.2	Hàm lượng amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) Ammonium (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1
7.3	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl <sub>2</sub> ) <sup>(HT)</sup> Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,2	-
7.5	Mùi <sup>(HT)</sup> Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ No strange odor	-
7.6	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5
7.7	Độ pH <sup>(HT)</sup> pH value	-	TCVN 6492:2011	7,3	-
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5
7.9	Coliforms	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 <sup>(c)</sup>	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.  
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.  
 3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.  
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.  
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) để biết thêm thông tin.  
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) for further information about test report.  
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.

Q326E055362  
(MTTN26007713.11)

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

03/06/2026

Trang/ Page: 3/3

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.10	Escherichia coli	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 <sup>(c)</sup>	-

**Ghi chú / Note:**

- HT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 19/05/2026. / Characteristics analyzed on site on 19/05/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization
- KPH: Không phát hiện / Not detected
- <sup>(c)</sup>: Kết quả được biểu thị “< 1 CFU” được xem là “không phát hiện vi sinh vật mục tiêu” trên thể tích mẫu kiểm tra. / The result “< 1 CFU” is considered “target organism not - detectable” in the volume of sample analysed
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (\*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.